BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3678 /BCT-CNN	*Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017*
V/v báo cáo phục vụ công tác điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1477
Ngày: 3.5.17
Chuyển: ...

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 5040/QĐ-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, dự án điều tra cơ bản của Bộ Công Thương năm 2017, Bộ Công Thương đang triển khai các nội dung cho việc lập Đề án "Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035" và Đề án "Đánh giá môi trường chiến lược của Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035".

Trên cơ sở Nghị định số 99/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và phục vụ công tác điều chỉnh quy hoạch, Bộ Công Thương sẽ tổ chức kiểm tra việc thực hiện "Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11 tháng 4 năm 2014 và tiến hành khảo sát một số địa phương, doanh nghiệp.

Bộ Công Thương đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao cho Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, Ban liên quan tại địa phương rà soát lại tình hình thực hiện quy hoạch trên địa bàn, tổng hợp và gửi báo cáo bằng văn bản về Bộ Công Thương theo các nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp *Dệt May Việt Nam giai đoạn 2011-2016 trên địa bàn tỉnh:*

a. Tình hình chung:

- Đánh giá vị trí vai trò của ngành công nghiệp Dệt May đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tình hình các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có liên quan đến ngành Dệt May.

- Chính sách của tỉnh đối với phát triển ngành công nghiệp Dệt May trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua.

b. Tình hình cụ thể:

- Tình hình hiện nay về doanh nghiệp ngành Dệt May trên địa bàn tỉnh (số lượng, loại hình, chủng loại sản phẩm sản xuất theo mặt hàng (xơ, sợi, vải dệt kim, vải dệt thoi, các loại sản phẩm may, nguyên phụ liệu dệt may,...)

- Tình hình sản xuất theo từng mặt hàng (xơ, sợi, vải dệt kim, vải dệt thoi, các sản phẩm may, nguyên phụ liệu dệt may,...), sản lượng sản xuất từ 2011-2016.

- Đánh giá chất lượng và chủng loại sản phẩm, khả năng thiết kế sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm, khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đánh giá về đặc điểm phương thức sản xuất kinh doanh, tỷ trọng phương thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CMT), gia công từng phần (OEM), mua nguyên liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM), sản xuất sản phẩm với thương hiệu riêng (OBM), khả năng chuyển đổi từ phương thức CMT sang FOB, ODM, OBM của doanh nghiệp sản xuất may mặc trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình về cung cấp nguyên phụ liệu cho ngành Dệt May trên địa bàn tỉnh (xơ, sợi, vải dệt kim, vải dệt thoi, nguyên phụ liệu dệt may,...).

- Về công nghệ, thiết bị, chất lượng: Đánh giá hiện trạng, tình hình thiết bị, đổi mới công nghệ; tiêu chuẩn chất lượng; vệ sinh, an toàn lao động.

- Về đầu tư: Đánh giá tình hình đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài, hiệu quả đầu tư, công suất thiết kế và tổng vốn đầu tư đối với các dự án của ngành công nghiệp Dệt May trên địa bàn tỉnh (về các dự án hiện có, dự án đang đầu tư).

- Về nghiên cứu khoa học và đào tạo: Việc xây dựng trung tâm nghiên cứu, triển khai thực nghiệm gắn với việc ứng dụng khoa học - công nghệ; tình hình nguồn lao động cung cấp cho doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển ngành.

2. Đánh giá chung về việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Vấn đề môi trường

- Đánh giá tác động của ngành công nghiệp Dệt May đến môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo hiện trạng/diễn biến/quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh (giai đoạn 2011-2016); các chiến lược, kế hoạch, đề án bảo vệ môi trường của tỉnh.

4. Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển ngành trên địa bàn đến năm 2025 có tính đến năm 2035.

5. Các đề xuất, kiến nghị

Đề nghị lập báo cáo tổng hợp các nội dung nêu trên và báo cáo số liệu theo mẫu biểu Phụ lục đính kèm theo công văn này.

Ngoài nội dung báo cáo trên, đề nghị Quý cơ quan gửi kèm danh sách các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ngành Dệt May (ghi rõ sản phẩm sản xuất kinh doanh, địa chỉ, điện thoại, email của người đại diện) và bản phô tô giấy

chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kinh doanh của từng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bộ Công Thương sẽ cử đoàn công tác làm việc cụ thể với một số địa phương và doanh nghiệp theo chương trình sẽ được thông báo sau.

Báo cáo đề nghị gửi về: Bộ Công Thương (Vụ Công nghiệp nhẹ), 54 Hai Bà Trưng – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội, trước ngày 20 tháng 5 năm 2017, bản mềm gửi về địa chỉ email: huongtth@moit.gov.vn.

Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ: Trần Thu Hương - Vụ Công nghiệp nhẹ; điện thoại: 04.22202199; 0914646273./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, CNN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng



BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SOÁT THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP DỆT MAY VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035 DÙNG CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số: 3678 /BCT – CNN ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Đơn vị báo cáo :.....

Tên, chức danh đầu mối liên hệ : .....

ĐT :..... ; Fax :..... ; E-Mail :.....

BIỂU 1 : SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP

Mặt hàng sản xuất	Số lượng thực tế						Số lượng dự kiến					Ghi chú
	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2025	
Xơ bông												
Xơ PES												
Sợi												
Vải												
Sản phẩm may mặc												
Khăn bông, đồ gia dụng												
Nguyên phụ liệu may (khóa kéo, cúc, mex, chỉ...)												
Sản xuất đồng thời nhiều mặt hàng nêu trên (ví dụ: sản xuất cả xơ, sợi, vải,....)												

BIỂU 2 : DANH SÁCH DOANH NGHIỆP DỆT MAY TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mặt hàng sản xuất	Loại hình doanh nghiệp/nước đầu tư (nếu là FDI)	Tổng vốn đầu tư	Số lao động	Tên và chức vụ người liên hệ	Điện thoại/Fax/ email	Ghi chú

BIỂU 3: SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT TRÊN TOÀN ĐỊA BÀN

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng thực tế						Sản lượng dự kiến					Ghi chú
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2025	
Xơ bông													
Xơ PES													
Sợi													
Vải													
Sản phẩm may mặc:													
Khăn bông, đồ gia dụng													
Nguyên phụ liệu may (khóa kéo, cúc, mex, chỉ...)													
.....													

BIỂU 4: DANH MỤC CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên Khu, cụm công nghiệp	Tên doanh nghiệp đầu tư hạ tầng	Địa điểm	Diện tích đã quy hoạch (ha)	Tình trạng, diện tích hoạt động (so với diện tích đã cấp CNĐT)	Tỉnh có chủ trương thu hút dự án nhuộm, hoàn tất vào KDN này không? (Có/Không)	Số lượng doanh nghiệp sợi, dệt nhuộm, may, nguyên phụ liệu dệt may trong khu, cụm công nghiệp	Ghi chú

Thời điểm chốt số liệu : Ngày … tháng … năm …

BIỂU 5A : DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ DỆT MAY TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Quy mô dự án, công suất	Mặt hàng sản xuất	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Ngày KC-HT (theo Giấy CNĐT)	Lũy kế đến tháng 3/2017	Dự kiến kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện dự án đến tháng 3/2017	Ghi chú

BIỂU 5B : DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ DỆT MAY TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô dự án, công suất	Mặt hàng sản xuất	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2035	Ghi chú

BIỂU 6 : MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ LIÊN QUAN LĨNH VỰC DỆT MAY

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Dự kiến 2017	Dự kiến 2020	Ghi chú
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%									
2	Doanh thu	Tr. đồng									
	- Trong đó Doanh thu nội địa	Tr. đồng									
3	Kim ngạch xuất khẩu (tính cả xơ, sợi, dệt, may, nguyên phụ liệu) trong đó:	Tr.USD									
	- Các nước EU	Tr.USD									
	- USA	Tr.USD									
	- Nhật bản	Tr.USD									
	- Các nước khác	Tr.USD									
4	Kim ngạch nhập khẩu, trong đó:	Tr.USD									
	KNNK vải	Tr.USD									
5	Tỷ lệ nội địa hóa	%									
6	Tổng tài sản cuối năm, trong đó:	Tỷ đồng									
	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	Tỷ đồng									
7	Lãi (lỗ) sau thuế	Tỷ đồng									
8	Nộp ngân sách trong năm	Tỷ đồng									

BIỂU 7:
NHÂN LỰC VÀ THU NHẬP CỦA LAO ĐỘNG LĨNH VỰC DỆT MAY

1. Tổng lao động bình quân qua các năm

Đơn vị tính: nghìn người

	2011	2012	2013	2014	2015	Có đến 31/12/2016	Dự kiến 2020	Dự kiến 2025	Ghi chú
Lao động, trong đó									
- Cán bộ quản lý									
- Lao động nữ									

2. Thu nhập bình quân của lao động qua các năm

Đơn vị tính: nghìn đồng

	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Ghí chú
Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực Dệt May							

3. Hình thức đào tạo công nhân hiện nay của tỉnh trong lĩnh vực Dệt May**:**

Nơi đào tạo, dạy nghề :	Kèm cặp tại chỗ	Bổ túc tay nghề ở cơ sở sản xuất khác	Cử đi học tại trường dạy nghề	Đào tạo chính quy hoặc bổ túc tay nghề ở nước ngoài	Hình thức khác (ghi rõ)
Tỷ lệ (%):					

BIỂU 8: TÌNH HÌNH TIÊU THỤ HÀNG DỆT MAY NỘI ĐỊA THÔNG QUA CÁC LOẠI HÌNH PHÂN PHỐI

Loại hình phân phối	Số lượng kinh doanh các mặt hàng nói chung	Số lượng có kinh doanh mặt hàng dệt may	Tỷ trọng kinh doanh hàng dệt may Việt Nam
Trung tâm thương mại			
Siêu thị			
Cửa hàng tiện lợi, chuyên doanh			
Chợ			

BIỂU 9: TÌNH HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC DỆT, MAY

1. **Thông tin chất thải rắn**

STT	Loại	Đặc tính	Lượng (tấn/tháng)	Thành phần, tính chất
1	Chất thải sinh hoạt	Chất thải nguy hại		
		Chất thải thông thường		
2	Chất thải sản xuất	Chất thải nguy hại		
		Chất thải thông thường		

Các biện pháp xử lý chất thải rắn hiện địa phương đang áp dụng

☐ Tự thu gom và xử lý. Đề nghị cho biết chi tiết biện pháp này:

☐ Phân loại chất thải trước khi thuê công ty có chức năng thực hiện. Đề nghị cho biết tên đơn vị, mức phí thu gom và xử lý mà công ty trả hàng năm

☐ Không phân loại chất thải trước khi thuê công ty có chức năng thực hiện. Đề nghị cho biết tên đơn vị, mức phí thu gom và xử lý mà công ty trả hàng năm.

2. **Thông tin nguồn nước thải**

STT	Nước thải	Lượng (m^3 /tháng)	Thành phần, tính chất	Hệ thống xử lý nước thải	
				Có	Chưa có
1	Nước thải sinh hoạt				
2	Nước thải sản xuất				

- Nước thải sau xử lý đã đạt tiêu chuẩn nào?
- Nếu chưa đạt thì địa phương có kế hoạch, biện pháp khác phục thế nào?

3. **Thông tin khí thải**

1. Nguồn phát thải:

2. Phương pháp đang áp dụng giảm thiểu ô nhiễm khí thải:

- Có thực hiện quan trắc môi trường cho cơ sở sản xuất hay không? Nếu có thì tiến hành quan trắc bao nhiêu lần/ năm?
- Có các dự án đầu tư mới nào đang hoặc sắp được thực hiện mà có thể tác động đến môi trường hay không?
- Kinh phí dành cho môi trường hằng năm là bao nhiêu?
- Phí môi trường đóng góp từ các DN là bao nhiêu?
- Có cán bộ quản lý môi trường chuyên trách hay không hay là kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn của cán bộ đó?
- Hằng năm có các chương trình đào tạo, nâng cao nhận thức về BVMT cho các DN hay không, nếu có kể tên một số chương trình đó?

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẰM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP DỆT, MAY GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2035 TẠI ĐỊA PHƯƠNG NÓI RIÊNG VÀ CẢ NƯỚC NÓI CHUNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....